

TRIẾT HỌC TÔN GIÁO CỦA THOMAS D'AQUINAS

Tóm tắt: Trong triết học trung đại, Thomas d'Aquinas (1225-1274) là đề tài gây cảm hứng sáng tạo với hình ảnh của một vị thánh trần gian, tay không bao giờ rời cuốn sách và trên đầu luôn tỏa ánh hào quang. Hình tượng nghệ thuật này có lẽ phần nào phản ánh đúng nguyên mẫu ngoài đời cũng như tầm ảnh hưởng của ông trong lòng công chúng đương thời. Trong bài viết này, tác giả chủ yếu phân tích quan niệm của ông về những luận cứ chứng minh sự tồn tại của Thiên Chúa, về nguồn gốc và bản chất của linh hồn, khả năng nhận thức của con người nhìn từ góc độ thần học, đạo đức học và biện chứng giữa chiến tranh, hòa bình. Bài viết cũng đề cập đến giá trị lịch sử triết học tôn giáo của Thomas d'Aquinas với tư cách là tập đại thành của triết học Kitô giáo.

Từ khóa: Triết học, triết học Kitô giáo; thần học; Thomas d'Aquinas.

Dẫn nhập

Triết học tôn giáo là một bộ phận quan trọng của triết học nói chung, trong đó, triết học Kitô giáo chiếm một vị trí không nhỏ. Nhờ có triết học Kitô giáo mà đời sống tâm linh của xã hội được soi xét một cách sáng rõ từ lăng kính của các nhà thần học. Trong số các triết gia Kitô giáo, Thomas d'Aquinas nổi lên như một hiện tượng điển hình cần phải được nghiên cứu để có thêm những tư liệu bổ sung cho bức toàn cảnh của triết học giai đoạn lịch sử này.

Tư tưởng triết học của Thomas d'Aquinas về Thiên Chúa đã tạo ra hiệu ứng xã hội và để lại dấu ấn mạnh mẽ trong lịch sử tư tưởng triết học trung đại phương Tây và tạo nên nhiều tranh luận trái chiều, điển

* Khoa Giáo dục chính trị, Trường Đại học Hà Nội.

Ngày nhận bài: 15/9/2023; Ngày biên tập: 4/11/2023; Duyệt đăng: 15/11/2023

hình là những tác phẩm: *Tuyển tập danh tác triết học từ Plato đến Derrida* của nhà nghiên cứu lịch sử triết học - Forrest E. Baird (2006), *Lịch sử triết học* (2 tập) của Johannes Hirschbeger (2020), *Lịch sử triết học và các luận đề* của Samuel Enoch Stumpf (2004), *Văn minh trung cổ* (2012) của Kay Slocum. Trong những tác phẩm này, các học giả phương Tây đã thống nhất quan điểm cho rằng, Thomas d'Aquinas xứng đáng là cây đại thụ triết học trung đại, bởi những tác phẩm của ông không chỉ phản ánh nhiều vấn đề cơ bản của thời đại mà còn gọi lên những mâu thuẫn đời sống tinh thần của đại bộ phận dân chúng châu Âu.

Ở Việt Nam, trước khi bắt đầu thời kỳ Đổi mới (năm 1986), triết học của Thomas d'Aquinas chủ yếu gây sự chú ý cho các nhà nghiên cứu ở miền Nam, như cuốn *Triết học kinh viện* (bản in nội bộ) do Tòa Giám mục Sài Gòn phát hành. Công cuộc Đổi mới đã cho các nhà nghiên cứu điều kiện thuận lợi tiếp cận với dòng triết học phương Tây, một trong số những công trình về vấn đề này là cuốn *Lịch sử triết học phương tây* (tập 1) do Đinh Ngọc Thạch và Doãn Chính chủ biên (2018). Cuốn sách đã dành một lượng lớn trang viết về quan điểm của Thomas d'Aquinas.

Dựa trên những nguyên tắc (xem xét khách quan, toàn diện, lịch sử cụ thể) của phương pháp luận duy vật biện chứng, tuân thủ phương pháp thống nhất giữa đồng đại và lịch đại, giữa logic và lịch sử, phương pháp phân tích diễn ngôn..., tác giả bài viết muốn tái hiện quan niệm của Thomas d'Aquinas về hình ảnh Thiên Chúa, vị trí, vai trò của Ngài trong đời sống xã hội trung đại, qua đó, phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa đạo đức, pháp luật và tôn giáo. Theo đó, tôn giáo được xã hội chấp nhận như một loại hình ý thức xã hội, cùng một lúc thực hiện các chức năng như: hướng thiện, đền bù hư ảo, đoàn kết cộng đồng (giao tiếp).

1. Cuộc đời và những tác phẩm tiêu biểu của Thomas d'Aquinas

Thomas d'Aquinas sinh trong gia đình quý phái ở vùng Napoli, Italia. Thân phụ ông là bá tước Aqiuno, muốn con mình trở thành người có địa vị cao trong giáo hội, nên khi mới năm tuổi, cậu bé

Thomas đã được gửi đến học tại tu viện Monte Casino. Sau hơn 10 năm, cậu lại được gửi đến Khoa Nghệ thuật của Đại học Naples tiếp tục con đường học vấn. Tại đây, chàng trai trẻ làm quen với triết học Aristotle. Nhưng như một định mệnh, chàng quyết định rời bỏ trường đại học để theo dòng tu Dominican. Quyết định này bị thân mẫu lên án và ông bị hai người anh bắt cóc về giam giữ trong lâu đài gia đình ở Roccasecca.

Sau một năm giam giữ, biết không ngăn được ý chí của con trai, thân mẫu quyết định cho con trở lại với dòng tu. Chàng trai lại tiếp tục đến Đại học Paris để hoàn tất chương trình học. Tại đây, Thomas được thụ giáo bởi Albert Magnus (Albert Cả), một nhà thần học nổi tiếng đương thời. Kiến thức uyên bác của vị học giả người Đức này cùng những quan điểm cấp tiến của ông (coi trọng cả nguồn tri thức triết học và khoa học) đã có tác động lớn đến sự hình thành quan điểm của Thomas. Sau khi lấy bằng cao nhất về thần học, ông sống một cách lưu động ở Pháp và Italia để giảng dạy, viết sách và làm những công việc Giáo hội Roma giao phó.

Do có nhiều công lao về hoạt động và nghiên cứu, ông được giáo hội phong Thánh (Saint) và tiến sĩ thần học danh dự (Theological Honoric Doctor). Tháng 12/1273, Thomas đột nhiên thôi viết. Ít tháng sau, ông được triệu tập tới dự một hội nghị Công đồng (Conciliarism) của giáo hội ở thành phố Lyons. Trên đường đi, do bị mệt, ông phải nghỉ tại Fasanova (phía nam Roma) và mất đột ngột tại đó (ngày 7/3/1274), khi mới 49 tuổi.

Tuy chỉ có 20 năm hoạt động và sáng tạo, song Thomas đã để lại một số lượng tác phẩm đồ sộ, trong đó hai tác phẩm tiêu biểu về thần học là *Summas Contra Gentiles* (Tổng luận chống lại dân ngoại đạo) và *Summa Theologica* (Tổng luận thần học) bao gồm 512 câu hỏi chuyên mục độc lập và trả lời một cách đầy đủ. Mục đích cơ bản của tác phẩm này là chứng minh sự tồn tại hợp lý của Thiên Chúa. Mở đầu tác phẩm, ông đặt câu hỏi: “Sự tồn tại của Chúa có hiển nhiên không?” và trả lời: “Có vẻ như sự tồn tại của Chúa là hiển nhiên. Vì những gì được coi là hiển nhiên thì tồn tại một cách bẩm sinh ở con người, giống như các nguyên lý cơ bản” [F. E. Baird, 2006: 207].

2. Một số nội dung cơ bản trong triết học tôn giáo của Thomas d'Aquinas

Khi đề cập đến tư tưởng triết học của Aquinas, điều đầu tiên đáng lưu ý là quan niệm về Thiên Chúa - khái niệm xuất phát điểm và xuyên suốt toàn bộ hệ thống lý luận thần học của ông. Để xây dựng và xác định nội hàm khái niệm này, về mặt logic, cần phải chứng minh đây là một khái niệm thực - tức Thiên Chúa không phải là khái niệm mơ hồ, hư vô do con người tự nghĩ ra, mà có đối tượng phản ánh mang tính hiện thực trong đời sống trần tục với những lý do xác đáng.

2.1. Những luận cứ chứng minh về sự tồn tại của Thiên Chúa

Trước Thomas d'Aquinas, triết gia - nhà thần học người Italia - Anselm (1033-1109) trong tác phẩm *Proslogion* đã có *luận cứ bản thể luận* chứng minh sự tồn tại của Thiên Chúa. Theo đó, Thiên Chúa là “cái mà người ta không nghĩ được một cái gì cao hơn”, tức Ngài là sự hoàn thiện, hoàn mỹ không một cái gì và không một ai có thể vượt qua. Một quan niệm như vậy về Thiên Chúa, hiện hữu thường trực trong đầu mọi người một cách bẩm sinh. Vì vậy, “chắc chắn tồn tại một cái mà người ta không thể nghĩ được một cái gì khác cao hơn, cả trong trí tuệ lẫn trong thực tại” [F. E. Baird, 2006: 139]. Nhìn thấy tính thiếu căn cứ logic và đơn tuyến trong luận chứng của bậc tiền bối, trong sách *Tổng luận*, Thomas d'Aquinas đã đưa ra năm luận cứ (five arguments) chứng minh sự tồn tại của Thiên Chúa.

Luận cứ chứng minh bằng sự vận động (Ex parte motus): Tiếp thu quan điểm về siêu hình học của bậc tiền bối Aristotle cùng với việc khảo sát sự vận động của vạn vật trong vũ trụ, Aquinas cho rằng, một vật muốn vận động phải có sự tác động của một vật khác. Vật khác này muốn vận động ắt phải có sự tác động của một vật khác nữa. Ví dụ, sự vận động của các quân bài domino, sự vận động của các quả bóng billiard nhất thiết phải có sự tác động ban đầu. Nhưng, do sự đa dạng của vận động trong vũ trụ, nên ta không thể truy tìm sự tác động đến vô hạn. Do vậy, cần phải giả định có một tác nhân bất động nào đó ban đầu (động cơ khởi thủy) tác động lên vạn vật làm cho chúng vận động - tác nhân đó chính là Thiên Chúa. Vậy, Thiên Chúa chính là yếu tố ban đầu khởi nguồn cho mọi vận động của vạn vật trong vũ trụ như ta thấy.

Luận chứng chứng minh bằng nguyên lý nhân quả (Ex ratione causae efficientis): Vẫn tiếp thu cách lập luận của bậc thầy Aristotle và Maimonides, Thomas cho rằng, luật nhân quả là không thể phủ nhận và diễn ra liên tục mang tính dây chuyền. Mọi kết quả đều phải có nguyên nhân trước đó, đồng thời, tạo ra nguyên nhân sau, không có chu trình nhân quả tự thân. Nhưng trong thực tế, tương tự như vấn đề vận động đã lý giải, chúng ta không thể đi ngược đến vô hạn để truy tìm nguyên nhân khởi thủy. “Vì vậy cần phải chấp nhận có một nguyên nhân đầu tiên mà mọi người gọi là Thiên Chúa” [F. E. Baird, 2006: 211]. Điều này, quả thật đúng với sự luận giải của *Sách Sáng thế* trong *Kinh thánh*.

Luận cứ chứng minh bằng nguyên lý khả năng và tất yếu (Ex possibili et neccessario): Theo Aquinas, trong tự nhiên, mọi vật có thể có (tồn tại) và không có (không tồn tại) vì vạn vật bắt đầu từ chưa có (chưa tồn tại) đến có (tồn tại) rồi lại mất đi (không còn). Nói cách khác, “cái gì không hiện hữu thì chỉ bắt đầu hiện hữu bởi một cái gì đã hiện hữu trước nó” [F. E. Baird, 2006: 211]. Nhưng như trong luận chứng nhân quả đã chứng minh, “không thể nào có một chuỗi vô hạn các vật hiện hữu một cách tất yếu bởi một vật khác... Do đó, chúng ta không thể nào không chấp nhận sự hiện hữu của một hữu thể nào đó có sự tất yếu nơi chính nó, nghĩa là không nhận sự tất yếu nơi mọi vật khác. Hữu thể tất yếu này mọi người gọi là Thiên Chúa” [F. E. Baird, 2006: 212]. Ở luận cứ này, không chỉ chịu ảnh hưởng của Aristotle, mà “rõ ràng là triết thuyết của Thánh Thomas có một nền tảng mang màu sắc Plato” [J. Hirschberger, 2020: 524].

Luận cứ chứng minh bằng sự hoàn thiện (Ex gradibus perfectionum): Tiếp thu quan điểm thần học của các bậc thầy Plato, Anselm, Augustine... trong luận giải về tính hoàn thiện, hoàn mỹ (về cấu trúc và chức năng) của muôn vật, muôn loài, Aquinas cho rằng, trong thực tế “có cái đúng nhất, có cái tốt nhất, có cái cao quý nhất, và do đó, có cái gì là hữu thể tối cao nhất, vì những vật cao nhất về chân lý là những vật cao nhất về tồn tại... Vì vậy, cũng phải có một cái gì đó là nguyên nhân tồn tại của mọi tồn tại, là sự hoàn thiện của mọi hoàn thiện, và tồn tại này chúng ta gọi là Thiên Chúa” [F. E. Baird,

2006: 212]. Nói cách khác, Thiên Chúa phải là thực thể hoàn thiện nhất mới có khả năng sáng tạo nên mọi sự hoàn thiện khác trong vũ trụ. Đối với xã hội đương thời, điều này có vẻ hợp tình, hợp lý vì khi đó khoa học chưa phát triển. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ hiện đại dưới ánh sáng của “Lý thuyết tiến hóa” (The Theory of Evolution), có thể thấy sự việc hoàn toàn khác, sự sống là cả một quá trình tiến hóa lâu dài tuân theo quy luật phát triển tất yếu khách quan.

Luận cứ chứng minh bằng trật tự vũ trụ (Ex gubernatione mundi): Khảo sát sự vận hành của vạn vật trong vũ trụ, Aquinas nhận thấy, trừ con người, còn vạn vật trong vũ trụ đều không có trí khôn, nhưng chúng vẫn vận hành một cách có trật tự để đạt mục đích tốt nhất. Ví dụ, rễ cây mọc dài về phía có nước, cành lá vươn cao hướng về phía có nhiều ánh sáng mặt trời; tương tự, mũi tên không thể tự bay trúng đích mà phải có cung thủ. Vậy thì, *bàn tay vô hình* (invisible hand) nào đứng đằng sau để quy định tính mục đích này? Do vậy, cần phải giả định “có một tồn tại thông minh mà nhờ đó mọi vật tự nhiên hướng về cùng đích của chúng, tồn tại này ta gọi là Thiên Chúa” [F. E. Baird, 2006: 212].

Năm luận cứ mà Aquinas vận dụng để chứng minh sự tồn tại của Thiên Chúa nói trên dựa vào hai căn cứ chính: (i) Kinh nghiệm do các giác quan con người đem lại mà ai cũng thấy là đúng và (ii) Suy luận logic về nguyên lý nhân quả. Vậy là, triết gia Aquinas đã biết kết hợp giữa tri thức kinh nghiệm và niềm tin tôn giáo, biết dựa vào uy tín các bậc tiền bối như Plato, Aristotle, Maimonides, Anselm, Augustine để luận giải vấn đề. Điều này, chứng tỏ ông đã bắt đầu có sự suy nghĩ khá nghiêm túc về phương pháp triết học đích thực chứ không dùng hình thức tư biện, kinh viện. Với năm luận cứ đó, ông nổi danh như một triết gia đặt nền móng cho *Thần học tự nhiên* (Natural Theology), đã làm đẹp lòng cả giới học thuật lẫn các nhà thần học. Cũng vì lý do đó mà ông được chính thể nhà nước lẫn nhà thờ sùng ái, các tác phẩm được xuất bản không gặp bất kỳ trở ngại nào.

2.2. Quan niệm về nguồn gốc và bản chất của linh hồn

Linh hồn (anima, soul) là một trong những vấn đề cơ bản của triết học cổ - trung đại, đặc biệt là triết học Kitô giáo mà Thánh Thomas D’

Aquinas là một đại biểu điển hình. Linh hồn đã được bàn luận trong triết học Plato dưới góc độ duy tâm thần bí và trong triết học Aristotle dưới góc độ siêu hình học. Đến triết học Aquinas, linh hồn trở thành một trong những đối tượng nghiên cứu cơ bản, được đặt ra trong hai tác phẩm chính là *Summa Theologica* và *Summas Contra Gentiles*, trong đó, ông luận giải vấn đề linh hồn với tư cách là một triết gia và một nhà thần học.

Theo quan niệm của Aquinas, linh hồn hiện hữu trong tất cả các sinh vật có khả năng sinh dưỡng, sinh sản, tri giác cảm tính và sở hữu quan năng ý chí. Theo cách nhìn đó, linh hồn là thuộc tính của sự sống, có trong giới thực vật, động vật và con người. Một quan niệm như vậy không có gì mới, bởi đã được hai bậc thầy (Plato và Aristotle) đặt ra trước đó. Cái mới chỉ là ở chỗ, triết gia trung đại đã nhìn sâu hơn về nguồn gốc và bản tính linh hồn. Theo đó, linh hồn con người mang tính phi vật chất (*anima rationalis, intellectiva*) vì nó là cái chung hay một khái niệm phổ quát, chứ không phải một cái đặc thù (*particular*), mà mọi cái đặc thù đều hữu hình. Linh hồn mang tính tinh thần cao quý của con người, buộc phải hiện hữu độc lập, nên phải là một bản thể. Do mang tính bản thể nên linh hồn vẫn tồn tại vẹn nguyên khi thân xác chết đi.

Theo thuyết “Mô thể” (*Hylemorphism*) đã được đặt ra ở triết học Aristotle, linh hồn là một hình thức tồn tại của thể xác, nên giữa chúng có sự thống nhất. Điều đó có nghĩa là “linh hồn truyền sự hiện hữu mà nó tồn tại trong đó cho vật chất hữu hình, thông qua điều này và linh hồn tinh thần, ta có được tính nhất thể của hiện hữu; vì thế, sự hiện hữu của toàn bộ hợp thể cũng chính là sự hiện hữu của linh hồn” [J. Hirschberger, 2020: 531]. Dựa trên quan niệm của Aristotle như đã nói và quan niệm của triết gia người Uzbekistan - Avicenna (980 - 1037), Aquinas phân biệt năm loại năng lực cơ bản của linh hồn: (1) Năng lực sinh tồn liên quan đến sự sống - đặc trưng cho loài thực vật; (2) Năng lực cảm tính, liên quan đến động vật có năm giác quan nhận biết bên ngoài cùng với trí tưởng tượng, phán đoán cảm tính và ký ức khả giác; (3) Năng lực ham muốn, biểu thị những khuynh hướng ý chí thuộc về bản năng trong loài động vật, kể cả con người; (4) Năng lực

vận động, nhờ đó ta hiểu được sự vận động cục bộ ở loài động vật bậc cao, trong đó có con người; (5) Trí tuệ, những năng lực thuần túy lý tính thuộc về suy luận và ý chí tự do chỉ có ở con người.

Trong quan niệm về nguồn gốc linh hồn, Aquinas đã bác bỏ cả “Thuyết Sinh linh” (Traducianism) - thuyết cho rằng linh hồn - khía cạnh phi vật chất của con người - cũng mang tính di truyền giống như thể xác và thuyết “Chủ nghĩa thế hệ” (Generationism) - phản ánh niềm tin rằng một thế hệ cụ thể mang những đặc điểm vốn có khiến nó trở nên thấp kém hoặc vượt trội so với thế hệ khác. Theo ông, Thiên Chúa sáng tạo ra rồi ban cho mỗi linh hồn một cá tính thích ứng với thể xác nhờ vào sự hòa quyện giữa máu của người mẹ và tinh dịch của người cha. Điều này có nghĩa là, Thiên Chúa tạo nên linh hồn cho một thể xác đặc thù. Khi bàn về quan niệm này của Aquinas, nhà nghiên cứu J. Hirschberger cho rằng, “Aristotle dạy rằng giống như mọi nghệ thuật đều có những dụng cụ riêng biệt, mọi linh hồn đều có thể xác đặc thù của nó” [J. Hirschberger, 2020: 538]. Nhìn từ quan điểm Tâm lý học hiện đại, ý kiến này của Aquinas có thể chấp nhận bởi thực tế cho thấy, vì thể xác hay trạng thái sức khỏe của mỗi người không giống nhau nên bản tính linh hồn của họ khác biệt là đương nhiên.

Quan niệm về linh hồn trong triết học Aquinas là một bước tiến lớn trong nhận thức về tâm sinh lý của loài động vật bậc cao mà con người là vị trí trung tâm. Với tư cách là một hình thái sinh tồn có năng lực suy luận logic và ý chí tự do, con người không hành động tùy tiện mà được định hướng bởi nhận thức hay “hành vi lý tính” (intellectus agens). Vậy, nhận thức theo cách hiểu của Aquinas như thế nào?

2.3. Về khả năng nhận thức của con người nhìn từ góc độ thần học

Như đã nói, con người là sự thống nhất giữa thân xác và linh hồn, trong đó, linh hồn đóng vai trò quan trọng vì không có nó thì thân xác sẽ không có hình thức. Vì linh hồn ban cho thân xác hình thức tồn tại, nên linh hồn đem lại cho con người sự sống và khả năng nhận thức. Nhận thức luận của Aquinas là sự nối tiếp hay đồng thuận với Aristotle, ủng hộ ý kiến cho rằng lý tính là năng lực hoàn hảo nhất của linh hồn. Con người không chỉ là một tồn tại sống mà còn là một động

vật được ân phú quan năng lý tính (animal rationale). Đây là thế mạnh của con người so với các loài động vật bậc cao khác. Dựa trên những hiểu biết tâm lý học, kết hợp với học thuyết về linh hồn, Aquinas cho rằng, nhận thức trải qua bốn cấp độ hay loài (species).

Ban đầu là loài hay *cấp độ khả giác* (species sensibilis). Các năng lực cảm tính khác nhau đem lại cho chủ thể nhận thức. Những gì chủ thể biết nhận được chỉ có thể thông qua các cảm giác, cụ thể là sự cảm nhận của ngũ quan.

Giai đoạn tiếp theo là loài hay *cấp độ khả niệm* (species intelligibilis). Sản phẩm nhận thức của cấp độ cảm tính được soi sáng trong giai đoạn thứ hai nhờ vào “hành vi lý tính”, qua đó, cho phép tâm trí chủ thể được phác họa nên từ những biểu tượng tính phổ quát về cùng các thực tại ấy. Những biểu tượng được tạo thành như thế là những cái phổ quát, tức những khái niệm (concept) và bản chất (nature) - chúng mang tính tinh thần, nghĩa là thuộc một bản tính phi vật chất.

Loài hay *cấp độ thứ ba là ấn tượng* (species impressa). Ở cấp độ này, loài khả niệm được trí tuệ tri nhận và cho phép chân lý khắc sâu cũng như ghi dấu lên chính đối tượng, tạo thành những hình ảnh của lý trí, in sâu vào trí nhớ, tiềm thức.

Loài hay *cấp độ cuối cùng là diễn đạt* (species expressa). Ở đây, những hình ảnh mang tính tinh thần được ghi dấu lên những đối tượng thực sự của chúng. Ông quan niệm những điều này như là những phương tiện biểu đạt và ngôn từ, qua đó, trí tuệ có thể tái tạo thế giới. Hệ quả là loài khả niệm được gọi là “verbum mentis” (ngôn từ tinh thần) hay loài diễn đạt, nhờ đó mà con người có thể giao tiếp, truyền đạt thông tin đã nhận biết.

Bốn cấp độ hay loài nhận thức trên cho thấy, nhận thức là một quá trình khai triển từ thấp đến cao, từ *tri giác cảm tính* đến hình thành *biểu tượng*, tạo nên *ấn tượng* bên trong chủ thể và cuối cùng là phát sinh *khái niệm hay ngôn ngữ* diễn đạt đối tượng. Hiểu được bản chất của tiến trình nhận thức như vậy, triết gia trung đại đã đi gần đến quan niệm biện chứng về nhận thức luận của triết học hiện đại.

2.4. Đạo đức học và biện chứng giữa chiến tranh - hòa bình

Đạo đức học Aquinas là sự tiếp nối những quan niệm đạo đức của Aristotle, nhưng được phát triển nghiêm ngặt theo hướng thần học, khẳng định vai trò của Thiên Chúa như là nguồn mạch và người định vị bản tính con người. Trong đạo đức học, Aquinas đi tìm hình bóng lý tưởng của con người mà cả những học giả lẫn những thánh nhân đều thấy mình trong đó. Có thể nói, ông không chỉ kế thừa quan điểm của Aristotle mà còn sử dụng cả triết thuyết của Plato, của Phái khắc kỷ (Stoicism), của Saint Augustine và đạo đức học của Thánh Albert.

Cũng như Aristotle, Aquinas bàn nhiều về vấn đề hạnh phúc, vì đây là động cơ và lẽ sống của con người. Nói cách khác, làm người không ai không hướng tới cuộc sống hạnh phúc. Vấn đề là ở chỗ, cần phải hiểu hạnh phúc như thế nào cho đúng, nghĩa là tính khả thi đạt đến một cuộc sống được coi là hạnh phúc. Theo luận giải của Aquinas, đạo đức thể hiện bản tính con người, còn bản tính con người là kết quả tác động giữa thể xác và linh hồn. Nếu như hai bậc thầy Plato và Aristotle coi thể xác, các dục vọng xác thịt quy định hành vi cũng như linh hồn con người, giống như người đánh xe quyết định đường đi của xe ngựa, thì Aquinas coi linh hồn như một thực thể độc lập tồn tại tự thân “là một nguyên lý vừa phi thể chất, vừa tự tại... linh hồn mà chúng ta gọi là trí tuệ hay tinh thần, là cái gì phi thể chất và tự tại” [F. E. Baird, 2006: 212, 213].

Với tư cách là yếu tố cơ bản quy định đời sống con người, linh hồn điều khiển hành vi, giúp con người tự do lựa chọn, biết được điều gì là tốt, là xấu, nên làm và không nên làm. Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa hoạt động bản năng loài vật với hành vi đạo đức con người. Ý chí là khả năng hướng con người tới hoàn thành việc thiện. Nếu lựa chọn đúng, con người sẽ trở nên hạnh phúc. Muốn lựa chọn đúng cần ân sủng và chân lý mạc khải hay sự mách bảo của Chúa. Do vậy, “hạnh phúc sau cùng và hoàn hảo không thể hiện tại điều gì khác ngoài sự hưởng kiến bản tính Thiên chúa” [F. E. Baird, 2006: 219].

Cái thiện (bonum) là một trong những phạm trù trung tâm của đạo đức Aquinas. Trong “Học thuyết về ý niệm” và “Siêu hình học”, Plato và Aristotle đã bàn về cái thiện, coi đó như là “ý niệm của mọi ý

niệm” hay mục đích tối cao của đời sống con người. Dựa trên quan niệm “Cái thiện của một vật cốt ở việc vật đó được sử dụng hợp lý tùy theo cách thể hiện bản tính của vật đó” [Johannes Hirschberger, 2020: 539], Aquinas cho rằng, vì mỗi người có một bản tính và hành động theo cách riêng, do vậy, cái thiện của mỗi cá nhân tồn tại cũng như hành động thuận theo bản tính và ý niệm về con người. Mà bản tính con người được đưa đến từ Thượng đế, do vậy, Thượng đế chính là “cái thiện của mọi cái thiện” (*Bonum omnis boni*). Kết luận rút ra là luật tự nhiên xét như nguyên tắc luân lý con người phụ thuộc vào nguyên lý cao hơn - đó là luật vĩnh cửu.

Là lĩnh vực hoạt động cơ bản của đời sống, đạo đức không được thiết lập một cách tùy tiện mà phản ánh “luật tự nhiên” (mang tính phổ quát ổn định) dựa trên nền tảng bản tính con người với các khuynh hướng chủ đạo như bảo tồn sự sống, truyền chủng, truy tìm chân lý. Chân lý đạo đức cơ bản mang tính phổ quát toàn nhân loại là “làm điều lành, tránh điều ác”.

Bản chất cái thiện trong đạo đức học của Aquinas gắn liền với quan điểm lên án chiến tranh, bảo vệ hòa bình. Trong “Khảo luận về hành vi con người”, ông đặt ra câu hỏi tranh luận: “Gây chiến tranh có luôn luôn là tội không?” và trả lời bằng một trích dẫn trong kinh Thánh: “*Kẻ nào dùng gươm sẽ chết vì gươm*. Vì vậy mọi cuộc chiến tranh đều là phi pháp... Vì chiến tranh thì chống lại hòa bình. Vậy chiến tranh luôn là tội” [F. E. Baird, 2006: 228]. Chiến tranh theo quan niệm của nhà truyền giáo Kitô phản ánh sự “ham muốn gây thiệt hại, khao khát báo thù tàn bạo, tinh thần bất hòa và gây rối, con sói bạo loạn, tham muốn quyền lực và những điều đại loại như thế, tất cả đều phải bị kết án trong chiến tranh” [F. E. Baird, 2006: 229]. Mục đích cuối cùng của chiến tranh là thực hiện ý đồ xấu xa, tội tề của con người, Tuy lên án một cách kịch liệt, những cuộc chiến vì mục đích tiêu cực như đã nói, song Aquinas cũng không cực đoan, định kiến, một chiều mà vẫn có một phần nào đó lên tiếng cổ vũ cho những cuộc chiến vì mục đích lương thiện hay đáp trả lại cái ác. Do vậy mà “tôn giáo chân thật coi là hòa bình các cuộc chiến gây ra không phải vì lý do bành trướng hay tàn bạo, nhưng với mục tiêu bảo

đảm hòa bình, trừng trị kẻ ác và cổ vũ điều tốt” [F. E. Baird, 2006: 229]. Ý tưởng này của ông, là gợi ý cho chính trị học khi phân định chiến tranh thành hai dạng thức, là chiến tranh xâm lược (phi nghĩa) và chiến tranh vệ quốc (chính nghĩa).

2.5. Luật pháp và nhà nước nhìn từ góc độ thần học

Trước khi bàn về luật pháp, triết gia catt nghĩa thuật ngữ, theo đó “Luật là quy tắc và thước đo của hành động, nhờ đó người ta được thúc đẩy để hành động hay không hành động. Vì danh từ luật trong tiếng Anh (law) và tiếng Pháp (loi) dịch từ tiếng Latinh (lex) phát sinh từ ligare - nghĩa là “buộc, cột lại”, vì nó ràng buộc hành động của con người” [Bernard Morichere, 2010: 258]. Theo Aquinas, để đảm bảo một xã hội công bằng và trật tự, con người cần phải thiết lập các luật nhằm điều chỉnh hành vi trong cộng đồng. *Một hệ thống luật như vậy bao gồm bốn dạng cơ bản, phản ánh tính đa dạng quan hệ giữa tự nhiên - con người và thần thánh.*

Thứ nhất, luật vĩnh cửu mang tính phổ quát phản ánh quan niệm “toàn thể vũ trụ được điều hành bởi lý trí Thiên Chúa” giống như ngọn lửa thì bốc lên trời, quả táo ắt sẽ rơi xuống đất, mọi sinh vật cuối cùng phải chết. Tuy nhiên, do có lý trí và sự lựa chọn tự do, nên trong một số hành vi, con người không tuân theo luật vĩnh cửu. Điểm này, thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa đời sống bản năng sinh vật với đời sống có lý trí của con người.

Thứ hai, luật tự nhiên bao gồm những điều mà con người tự nhiên hướng tới, thể hiện chủ yếu trong đời sống. Do con người có lý trí nên mọi hành động phải hợp với lẽ trời (ví dụ: bảo tồn thân thể, sinh sản, chăm sóc con cái) và lòng người (sống hòa hợp) để đi đến mục đích chung là duy trì trật tự xã hội. Những ai không tuân thủ luật tự nhiên cũng giống như người loạn thị, do thị lực kém, trình độ nhận thức hạn chế, nên phán xét lương tâm không đúng, dẫn đến mắc sai lầm, hay mắc sai lầm rồi mà không ân hận, hối cải để thay đổi. Luật tự nhiên quan trọng như vậy nên “những điều xuất phát từ luật tự nhiên thì không phải là những chuyện dừng dừng” [F. E. Baird, 2006: 226] mà cần phải được nhìn nhận một cách nghiêm túc.

Thứ ba, luật con người do lý trí (cụ thể là các chính quyền nhà nước) sáng tạo ra với mục đích vận dụng vào đời sống loài người. Nguyên tắc tổng quát của luật này “bắt nguồn từ luật tự nhiên”, tôn trọng tính thể tục. Do vậy, nếu luật con người đi ngược lại luật tự nhiên tức là phá hỏng luật. “Mục đích của luật con người hay nhân luật là diệt trừ cái xấu” [F. E. Baird, 2006: 227], qua đó, cảnh báo để mọi người hành động theo điều thiện.

Thứ tư, luật thiêng liêng đến với con người qua sự soi sáng của Thiên Chúa (Thiên khai), nên luật này có nguồn gốc từ luật vĩnh cửu, hướng con người đến đời sống đích thực, đạt hạnh phúc vĩnh cửu. Nếu luật tự nhiên biểu thị sự hiểu biết về điều thiện, qua đó, điều khiển các dục vọng, đam mê, giúp con người đạt đến lòng can đảm, sự tiết độ, công bằng và thận trọng, thì luật thiêng liêng (luật của Thiên Chúa) biểu thị sự mặc khải, giúp con người đạt đức tin và hi vọng. Ở đây thể hiện sự “vượt bỏ” của Aquinas đối với đạo đức học tự nhiên của Aristotle.

Bên cạnh nhà thờ và giáo hội, *nhà nước cũng là một trong những vấn đề trăn trở của Thánh Thomas*. Theo quan niệm của ông, nguồn gốc nhà nước cần phải tìm thấy chính trong bản tính con người. Do tự nhiên không trang bị cho con người những bản tính đáng tin cậy để đối phó với thiên nhiên như các loài thú vật, nên con người phải viện đến lý tính (như một công cụ nhận thức) để trợ giúp chính mình. Lý tính mách bảo con người cần phải sống hợp quần, nghĩa là cần có một mục đích chung, tính mục đích đó bắt rễ trong tập thể từ đơn vị nhỏ nhất là gia đình, cộng đồng dân cư, đến bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Tổ chức chặt chẽ nhất được quản lý bằng luật pháp của đời sống cộng đồng là nhà nước.

Kế thừa quan niệm về nhà nước của Aristotle trong “Politics” (Chính trị học), Aquinas cho rằng, nhà nước là một cơ chế hình thành dựa trên bản tính tự nhiên của con người. Tuy nhiên, do quan niệm khác về bản tính người nên Aquinas có quan niệm không giống Aristotle về nhà nước. Điểm khác biệt cơ bản là ở chỗ, Aquinas nhấn mạnh vai trò của giáo hội trong việc chăm sóc “phần hồn” hay mục đích siêu nhiên của con người, còn triết gia cổ đại thì nhấn mạnh tính cộng đồng, mục đích chính trị (cộng hòa hay quý tộc, dân chủ hay chuyên chế).

Theo Aquinas, chính nhà nước cũng là sản phẩm của Thiên Chúa, được giao phó trách nhiệm đảm bảo lợi ích chung như giữ gìn hòa bình, tổ chức đời sống cộng đồng, cung cấp nguồn lợi duy trì sự sống. Do vậy, nhà nước lệ thuộc vào giáo hội, giáo hội là một tổ chức siêu nhà nước. Dĩ nhiên, trong phạm vi riêng, nhà nước cũng có quyền tự trị. Giáo hội không thách thức quyền tự trị này, mà chỉ công nhận nhà nước không có quyền tự trị tuyệt đối.

Nhà nước là chủ thể của luật con người, nhưng khi làm luật nhà nước không được dừng dừng, tùy tiện, áp đặt, mà phải dựa trên những quyền tự nhiên cơ bản của con người. Quan niệm này của Aquinas đã mở ra hướng mới cho việc nghiên cứu luật pháp được các triết gia hậu thế phát triển thành vấn đề *nhân quyền* (human's right) mà cốt lõi là *quyền tự nhiên* (natural right) ở giai đoạn cận đại.

Theo quan niệm của Thánh Thomas, tuy là chủ thể của luật con người, song, trong khi kiểm soát hành vi công dân, nhà nước cũng phải bị ràng buộc bởi những đòi hỏi của luật chính đáng. Điều này, có nghĩa là nhà nước cũng phải tuân thủ luật pháp, không có quyền đứng trên, đứng ngoài luật pháp. Đây là một quan niệm khá tiến bộ thời bấy giờ, tạo tiền đề hình thành lý luận về nhà nước pháp quyền vài thế kỷ sau đó ở châu Âu.

3. Ý nghĩa lịch sử triết học tôn giáo của Thomas D'Aquinas

Với những tác phẩm đồ sộ và sâu sắc bao quát nhiều lĩnh vực từ tự nhiên đến xã hội, từ thần học đến thế tục, triết học Thomas D'Aquinas đóng vai trò như một "tập đại thành" của triết học trung đại. Bằng những lập luận logic không chỉ dựa trên lý tính mà có cả sự khôn khéo của một nhà truyền giáo, ông đã kết hợp, dung hòa các thể chế (nhà nước - nhà thờ), các hình thái ý thức xã hội (triết học - thần học), các hình thức biểu hiện của chân lý (tri thức) và tôn giáo (niềm tin), các trường phái (duy thực - Duy danh)... Tất cả những yếu tố đó hòa đồng, bắt nhịp với nhau để không làm mất lòng ai, không nghiêng ngả tuyệt đối về bất cứ một bên nào. Làm được như vậy, ông quả thật xứng đáng là nhà tâm lý học kỳ tài, nhà hoạt động xã hội có sách lược mềm dẻo, nhà truyền giáo có sức lan tỏa rộng rãi với tư tưởng dễ ăn sâu vào tiềm thức công chúng, tạo thành thói quen suy nghĩ hay vô thức tập thể.

Nhận xét một cách tổng quát về triết học Aquinas, nhóm nghiên cứu công trình *Lịch sử văn minh phương Tây* cho rằng, “Aquinas đã đem lại cho công trình của ông một tầm hiểu biết thật tinh tế, sâu sắc và hệ thống hóa dựa trên vài sự thỏa hiệp cơ bản, tế nhị. Về mặt niềm tin và lý trí, ông đã dạy rằng, tất cả đều là những con đường dẫn đến chân lý duy nhất. Nói cho cùng, lý trí dựa trên kinh nghiệm của giác quan. Đó là một công cụ mạnh mẽ, nhưng không đủ để dạy mọi người biết rằng Thiên Chúa mong muốn họ hiểu biết... mà phải chấp nhận dựa trên niềm tin” [Mortimer Charbers, 2004: 331, 332]. Đây không chỉ là nét đặc thù trong triết học Aquinas mà là đặc điểm chung của tư tưởng cả thời đại, khi giới lý luận tinh hoa, đặc biệt là các triết gia, phải sống nương nhờ vào sự giúp đỡ tài chính của nhà thờ và giáo hội. Cuộc sống “com áo gạo tiền” không cho phép họ suy nghĩ và hành động một cách tự do theo cách riêng mà phải suy tư và hành động trong giới hạn phong tỏa của nhà thờ và giáo hội.

Tuy nhiên, ở đây cũng còn có một lý do khác. Đọc trước tác của Aquinas, độc giả dễ nhận thấy ông đã chịu ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng cũng như phong cách lập luận logic của hai bậc thầy Plato và Aristotle, trong đó quan điểm Aristotle in dấu toàn diện và sâu đậm, dễ nhận thấy hơn. Tuy có sự diễn giải, chứng minh khác nhau, song ý tưởng bao trùm, xuyên suốt toàn bộ các tác phẩm của Aquinas vẫn là “Mục đích luận”. Do vậy mà có thể nói, “Thánh Thomas chỉ thừa nhận một tôn giáo, tức đức tin Kitô giáo, nên tất yếu ông chỉ thừa nhận một chủ thể tối cao, hay là Chúa Jesus Christ. Từ đây, ông rút ra địa vị tối thượng của giáo hội so với nhà nước. Mọi khía cạnh, tư tưởng của ông đều mang đậm màu sắc mục đích luận” [J. Hirschberger, 2020: 548].

Từ việc nghiên cứu lịch sử triết học tôn giáo mà Augustine và Thomas D'Aquinas là hai trụ cột chính, có thể nhận định rằng, triết lý về “Mục đích luận” là tư tưởng chủ đạo, sợi chỉ đỏ xuyên suốt, quy định bản chất mối quan hệ giữa tự nhiên, con người và thần thánh. Tư tưởng này không chỉ ảnh hưởng trong xã hội châu Âu đương thời, mà còn đến hiện đại, tạo nên dấu ấn mạnh mẽ trong tư tưởng Teilhard de Chardin (1881-1955). Trong *Hiện tượng con người* (Le phénomène

humain, Paris 1955), nhà cổ sinh vật học kiêm triết học và thần học người Pháp đã nói lên quan điểm về bốn giai đoạn tiến hoá cơ bản của cuộc sống và vũ trụ: Tiền sự sống, Sự sống, Tư duy, Sự sống siêu việt [Teilhard de Chardin, 2014: 15-200].

Hiện tượng học con người của Teilhard de Chardin tuy nhuộm màu thần bí và chứa đựng nhân tố bi quan lịch sử, song, không phải không có giá trị lý luận nghiên cứu vấn đề quan hệ giữa con người, tự nhiên và xã hội. Từ góc nhìn nhân bản, Teilhard de Chardin đã cảm nhận sâu sắc rằng, nếu con người không có thái độ nghiêm túc trong quan hệ với vũ trụ, cụ thể hơn là với giới tự nhiên mà mình đang sống trong đó, thì sự kết thúc lịch sử không còn là điều tưởng tượng. Đọc *Hiện tượng học con người*, có thể thấy thấp thoáng triết lý của hai bậc thầy triết học Kitô giáo là Augustine và Thomas D'Aquinas. Điều này lý giải một ý tưởng sâu sắc rằng, quan hệ giữa triết học, thần học, khoa học trong lịch sử chưa phải đã được giải quyết mà vẫn cần tiếp tục tranh luận để tạo dựng một cách nhìn đa chiều về số phận tương lai loài người - vấn đề mà từ xưa đến nay khoa học nói chung, triết học nói riêng thường vô tình bỏ qua, còn thần học thì lại cho đó là trọng yếu.

Kết luận

Những phân tích trên đã khắc họa nội dung bao quát và chiều sâu tư tưởng của triết học trung đại - một hệ thống lý luận nằm ở “lằn ranh đỏ” giữa đạo và đời, thần và người, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên cùng với quan điểm “nhân trung”. Với những triết gia đầy cá tính, triết học trung đại mà đại biểu điển hình là Thomas D'Aquinas đã đặt ra những vấn đề “đang còn khúc mắc” của thời đại, để từ đó tạo động lực, nguồn cảm hứng và mở ra cơ hội mới cho những triết gia phục hưng phát triển theo cả chiều hướng chấp nhận từng phần và phản đối một cách quyết liệt.

Đọc sâu về triết học trung đại, có thể nhận thấy rằng, “Thánh Anselm và Thánh Aquinas, những người đã dốc lòng cho niềm tin vào thượng đế cũng như kiên định với một cuộc đời ngoan đạo, tạo nên một hình ảnh hoàn toàn đối lập với Nicolai Machiavell, một nhà tư tưởng thế tục từng không ít lần bị đem so sánh với quỷ dữ” [Nigel Warburton, 2021: 69]. Và phải chăng, những cuộc chiến tranh khu vực, chiến tranh thế giới, những “sự trả thù của tự nhiên” mà loài

người đã hứng chịu trong quá khứ cũng như đang chứng kiến ở thời điểm hiện nay đều có nguồn cội sâu xa từ tư tưởng tự do, vô thần của người thể tục, chỉ biết sống một cách “hiện sinh”, vì mình mà phớt lờ tất cả những lời khuyên của các triết gia vĩ đại, trong đó có tư tưởng dự báo đầy tính nhân văn của Thánh Thomas D'Aquinas./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernard Morichere (Chủ biên 2010), *Triết học Tây phương từ khởi thủy đến đương đại*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
2. Johannes Hirschberger (2020), *Lịch sử triết học*, tập 1, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
3. Forrest E. Baird (2006), *Tuyển tập danh tác triết học từ Plato đến Derrida*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội
4. Kay Slocum (2012), *Văn minh trung cổ*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
5. Mortimer Charbers (Chủ biên 2004), *Lịch sử văn minh phương Tây*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Nigel Warburton (2021), *Lược sử triết học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
7. Lê Công Sự (2020), *Tôn giáo nhìn từ nhiều phía*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Teilhard de Chardin (2014), *Hiện tượng con người*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
9. Đinh Ngọc Thạch, Doãn Chính (2018), *Lịch sử triết học Phương Tây*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Abstract

RELIGIOUS PHILOSOPHY OF THOMAS D'AQUINAS

Le Cong Su

Hanoi University

Thomas d'Aquinas (1225-1274), a medieval philosopher, was a subject of creative inspiration with the image of a saint whose hands never leave the book and whose head always shines with the halo. This artistic image partly reflects his real-life prototype as well as his influence in the hearts of the contemporary public. In this article, the author mainly analyzes his arguments proving the existence of God, the origin and nature of the spirit, and human cognitive abilities from a theological, ethical perspective and dialectics between war and peace. The article also indicates the historical value of Thomas d'Aquinas' philosophy of religion as a great collection of Christian philosophy.

Keywords: Thomas d'Aquinas; Christian philosophy; Theology; Teleology.